

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 12 - 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vàng Văn Thủy

2. Bà Bùi Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Sùng Seo N, năm sinh 1997

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Tráng Thị D, năm sinh 1999

Địa chỉ cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Sùng Seo N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Sùng Seo N và chị Tráng Thị D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 đến ngày 23/3/2017 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Thu Phố, huyện Bắc Hà. Sau kết hôn, anh chị chung sống tại thôn L, xã H, huyện B, cuộc sống vợ

chồng hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến giữa năm 2018 Chị D tự ý bỏ nhà đi, không nói cho anh và mọi người trong gia đình biết là đi đâu, làm gì. Chị D đi từ ngày đó không trở về nữa, anh cũng không biết Chị D đi đâu, làm gì, đến nay không có tin tức gì, anh không biết Chị D ở đâu, còn sống hay đã chết. Anh đã đi tìm mọi nơi, anh em bạn bè, người thân nhưng không ai biết Chị D đi đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố Chị D mất tích. Đến ngày 16/8/2024 Tòa án đã ban hành quyết định Tuyên bố chị Tráng Thị D mất tích. Nay anh N thực sự không còn tình cảm gì với Chị D, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Tráng Thị D để đảm bảo cuộc sống riêng của anh.

- Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống anh Sùng Seo N và chị Tráng Thị D có 02 con chung là cháu Sùng Thị D, sinh ngày 21/10/2015 và cháu Sùng Seo D1, sinh ngày 15/10/2017, các cháu đều khỏe mạnh và không được ai tặng, cho thừa kế tài sản gì. Sau khi ly hôn anh N yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, cháu D1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay anh N làm ruộng nương và làm thuê thêm tại địa phương, thu nhập một tháng của anh khoảng 4.500.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con.

- Về quan hệ tài sản: Anh Sùng Seo N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Sau khi Toà án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, nhưng vẫn không tiến hành lấy lời khai của Chị D được và không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân giữa anh N và Chị D.

Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Sùng Thị D, cháu Sùng Seo D1 đều có nguyện vọng được ở với anh Sùng Seo N.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mất tích không có mặt ở nơi cư trú, nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho anh Sùng Seo N được ly hôn với chị Tráng Thị D.

+ Về con chung: Giao cháu Sùng Thị D và cháu Sùng Seo D1 cho anh Sùng Seo N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo qui định của Pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho anh Sùng Seo N được ly hôn với chị Tráng Thị D.

- Về con chung: Giao cháu Sùng Thị D, sinh ngày 21/10/2015 và cháu Sùng Seo D1, sinh ngày 15/10/2017 cho anh Sùng Seo N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D, cháu D1 đủ 18 tuổi; chị Tráng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Sùng Seo N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn đối với chị Tráng Thị D có địa chỉ cuối cùng trước khi biệt tích tại thôn L, xã H, huyện B, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Bắc Hà theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Sùng Seo N, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng vụ án dân sự như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập hai lần cho từng giai đoạn tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để Chị D có ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh N và phải có mặt tại trụ sở Tòa án để khai về mối quan hệ hôn nhân, nuôi con khi ly hôn giữa chị D và anh N, nhưng chị D vắng mặt; đồng thời, sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Sùng Seo N và chị Tráng Thị D là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh

phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến giữa năm 2018 Chị D tự bỏ nhà đi, anh N đã tìm ở nhiều nơi, anh em bạn bè, người thân nhưng không ai biết Chị D đi đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Anh N đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố Chị D mất tích, ngày 16/8/2024 Tòa án đã ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự, cụ thể: Tuyên bố chị Tráng Thị D mất tích. Nay tình cảm giữa anh N và Chị D không còn, việc anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn Chị D là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa anh N và Chị D chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống anh Sùng Seo N và chị Tráng Thị D có 02 con chung: Cháu Sùng Thị D, sinh ngày 21/10/2015 và cháu Sùng Seo D1, sinh ngày 15/10/2017. Sau khi ly hôn anh N yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, cháu D1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh N làm ruộng nương và làm thuê thêm tại địa phương, có thu nhập và nhà ở ổn định. Từ ngày Chị D bỏ đi thì cả hai cháu đều ở cùng với anh N; cháu D, cháu D1 đều có ý kiến xin được ở với anh N. Vì vậy, việc anh N đề nghị Toà án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D, cháu D1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Sùng Seo N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Sùng Seo N và chị Tráng Thị D. Quan hệ hôn nhân giữa anh N và Chị D chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Sùng Thị D, sinh ngày 21/10/2015 và cháu Sùng Seo D1, sinh ngày 15/10/2017 cho anh Sùng Seo N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D, cháu D1 đủ 18 tuổi; chị Tráng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Sùng Seo N phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003862 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn - để niêm yết (3);
- Người bảo vệ Q&LIHP của NĐ;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- UBND xã H;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vàng Văn Thủy

Bùi Thị Lý

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lục Văn Chăng Giảng Seo Hồng

Nguyễn Thị Thu Hương